

Số: 311/QĐ-CĐBP

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp,
trình độ cao đẳng khối ngành Sức khỏe năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-CĐBP ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Trường Cao đẳng Bình Phước ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLDTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-CĐBP ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun và thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-CĐBP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp khối Sức khỏe trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2026;

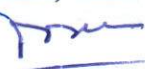
Căn cứ Biên bản số 310/BB-HĐTTN ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng thi tốt nghiệp khối ngành Sức khỏe về việc xét công nhận tốt nghiệp khối ngành Sức khỏe năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng khối ngành Sức khỏe năm 2026 đối với 114 học sinh, sinh viên có tên trong danh sách kèm theo.

Việc cấp bằng trung cấp, cao đẳng cho học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Cao đẳng Bình Phước.

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng đơn vị thuộc Trường và học sinh, sinh viên có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Niêm yết bảng tin;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, PĐT.

HIỆU TRƯỞNG


Hà Văn Kiên



DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khối ngành sức khỏe năm 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 311 /QĐ-CDBP, ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc công nhận học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khối ngành Sức khỏe năm 2026)

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Kết quả học tập toàn khóa		Điểm thi tốt nghiệp		Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
							ĐTB	Xếp loại	LTCM	THNN	ĐTBXL tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	
1. Ngành Dược, trình độ cao đẳng chính quy													
1	Trần Thị Thúy	An	Nữ	31/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.3	Khá	6.6	8.9	7.7	Khá	
2	Lữ Nguyễn Vân	Anh	Nữ	15/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.3	Khá	7.2	8.9	7.8	Khá	
3	Phạm Hồng	Anh	Nữ	08/03/2005	Bình Phước	Kinh	6.9	Trung bình	6	6	6.5	Trung bình	
4	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	20/02/2002	Bình Phước	Kinh	7.0	Khá	5.1	6.3	6.5	Trung bình	
5	Điền	Bát	Nam	02/08/2004	Bình Phước	Xtiêng	7.0	Khá	5.1	8	7.0	Khá	
6	Cao Thị Hương	Giang	Nữ	08/10/2004	Bình Phước	Kinh	6.8	Trung bình	6.4	6.8	6.7	Trung bình	
7	Lê Thị Hoàng	Hải	Nữ	05/07/2005	Bình Phước	Kinh	7.2	Khá	6.2	6.9	6.9	Trung bình	
8	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	24/02/2005	Bình Phước	Kinh	7.6	Khá	5.7	8.8	7.7	Khá	
9	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	10/12/2004	Bình Phước	Kinh	6.7	Trung bình	5.7	6.5	6.5	Trung bình	
10	Thị	Hê	Nữ	27/03/2005	Bình Phước	Xtiêng	7.6	Khá	6.1	7.8	7.4	Khá	
11	Trần Thị Thúy	Hồng	Nữ	07/03/2005	Bình Phước	Kinh	7.7	Khá	5.8	8.7	7.7	Khá	
12	Thị	Hồng	Nữ	05/11/2002	Bình Phước	Xtiêng	8.0	Giỏi	6.8	8.8	8.1	Giỏi	
13	Đoàn Thị Thanh	Hương	Nữ	24/11/2000	Bình Phước	Kinh	8.6	Giỏi	8	9.4	8.8	Giỏi	
14	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	24/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.9	Khá	7.3	9.1	8.2	Giỏi	
15	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	07/01/2005	Bình Phước	Tày	7.2	Khá	6.5	8.4	7.5	Khá	
16	Võ Thị Thùy	Linh	Nữ	08/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	5.6	5.7	6.5	Trung bình	
17	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	20/06/2005	Bình Phước	Kinh	8.1	Giỏi	7.1	9.7	8.5	Giỏi	
18	Đình Minh	Lộc	Nam	20/09/2005	Bình Phước	Kinh	7.1	Khá	5.7	5	6.2	Trung bình	
19	Cao Ngọc Xuân	Mai	Nữ	20/10/2005	Bạc Liêu	Kinh	7.2	Khá	6.8	8.6	7.6	Khá	

[Signature]

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Kết quả học tập toàn khóa		Điểm thi tốt nghiệp		Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
						ĐTB	Xếp loại	LTCM	THNN	ĐTBXL tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	
20	Đặng Thị Kim Ngọc	Nữ	21/02/2005	TPHCM	Kinh	7.1	Khá	6.3	5.9	6.6	Trung bình	
21	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	20/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.2	Khá	6.4	7.8	7.3	Khá	
22	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/06/2003	Bình Phước	Kinh	7.5	Khá	7.1	6.3	7.0	Khá	
23	Nguyễn Thị Phương Oanh	Nữ	03/03/2005	Bình Phước	Kinh	7.8	Khá	6.9	9.6	8.3	Giỏi	
24	Phùng Hoàng Oanh	Nữ	16/10/2005	Bình Phước	Dao	6.9	Trung bình	6.2	5.2	6.2	Trung bình	
25	Đặng Gia Phong	Nam	10/10/2005	Thái Bình	Kinh	7.1	Khá	6.6	6.6	6.9	Trung bình	
26	Nguyễn Phạm Thanh Phương	Nữ	26/07/2005	Bình Phước	Kinh	7.1	Khá	6.7	7	7.0	Khá	
27	Nguyễn Vũ Duy Quang	Nam	19/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	7.2	8.7	7.8	Khá	
28	Trần Nguyễn Trúc Quỳnh	Nữ	31/10/2005	Bình Phước	Kinh	8.5	Giỏi	7.9	8.9	8.5	Giỏi	
29	Ngô Thiên Thanh	Nữ	31/10/2005	Lâm Đồng	Kinh	7.9	Khá	7.2	8.5	8.0	Giỏi	
30	Nguyễn Tất Thành	Nam	01/01/1994	Thanh Hóa	Kinh	8.6	Giỏi	7.7	9	8.6	Giỏi	
31	Điều Như Thảo	Nam	08/04/2005	Bình Phước	Xtiêng	7.7	Khá	7.9	8.9	8.1	Giỏi	
32	Lại Trần Thiện	Nam	16/10/2003	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	7.2	9.2	8.0	Giỏi	
33	Vũ Văn Thơ	Nam	26/12/1987	Nam Định	Kinh	7.7	Khá	7.6	8.3	7.9	Khá	
34	Điều Thị Kiều Thu	Nữ	11/10/2004	Bình Phước	Xtiêng	7.5	Khá	6.9	7.8	7.5	Khá	
35	Nguyễn Thị Hoài Thư	Nữ	05/04/2005	Bình Phước	Kinh	7.6	Khá	6.9	8.8	7.9	Khá	
36	Vũ Ngọc Anh Thư	Nữ	16/09/2005	Bình Phước	Kinh	7.3	Khá	5	7.6	7.0	Khá	
37	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	21/01/2005	Bình Phước	Kinh	7.9	Khá	7.9	8.5	8.1	Giỏi	
38	Hoàng Thị Thủy	Nữ	01/07/2003	Bình Phước	Kinh	7.0	Khá	7.1	5.1	6.4	Trung bình	
39	Nguyễn Thị Thanh Tiên	Nữ	19/05/2005	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	7	8.1	7.6	Khá	
40	Thị Trâm	Nữ	09/05/2005	Bình Phước	Xtiêng	7.8	Khá	7.6	9.3	8.3	Giỏi	
41	Mai Đăng Trí	Nam	05/01/2005	Bình Phước	Kinh	7.5	Khá	7.5	8.9	8.0	Giỏi	
42	Kim Thị Uyên	Nữ	18/07/2005	Bình Phước	Khmer	7.4	Khá	6.8	5.6	6.7	Trung bình	
43	Lê Thị Vân	Nữ	30/05/2005	Bình Phước	Kinh	7.5	Khá	7.4	9.3	8.1	Giỏi	
44	Phan Thị Hồng Vy	Nữ	18/11/2005	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	6	7	7.0	Khá	
45	Lê Phi Yến	Nữ	18/05/2005	Bình Phước	Kinh	8.0	Giỏi	7.6	9	8.3	Giỏi	
46	Thị Yêng	Nữ	02/01/2004	Bình Phước	Mnông	7.4	Khá	7.8	8.7	7.9	Khá	
47	Trương Quốc Sơn	Nam	01/01/2005	Hà Tĩnh	Kinh	6.8	Trung bình	6.6	7.4	7.0	Khá	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Kết quả học tập toàn khóa		Điểm thi tốt nghiệp		Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
						ĐTB	Xếp loại	LTCM	THNN	ĐTBXL tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	
48	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	29/04/2005	Bình Phước	Kinh	7.2	Khá	6.7	7.8	7.3	Khá	
49	Chu Thị Thùy Dung	Nữ	26/11/2005	Bình Phước	Kinh	7.7	Khá	7.0	7.6	7.6	Khá	
50	Phạm Chí Mỹ	Nam	19/10/1993	Quảng Ngãi	Kinh	7.8	Khá	6.6	7.3	7.4	Khá	

2. Ngành Dược, trình độ cao đẳng liên thông

1	Bùi Thị Thúy An	Nữ	06/10/1992	Đồng Nai	Kinh	8.4	Giỏi	8.0	9.5	8.7	Giỏi	
2	Giang Hải Bằng	Nữ	13/09/1983	Bình Phước	Kinh	8.0	Giỏi	7.7	9.3	8.4	Giỏi	
3	Khổng Thị Tuyết Chinh	Nữ	05/05/1996	Vĩnh Phúc	Kinh	8.0	Giỏi	7.7	8.7	8.2	Giỏi	
4	Nguyễn Thị Như Hiền	Nữ	11/08/1996	Đồng Nai	Kinh	8.1	Giỏi	7.9	8.7	8.3	Giỏi	
5	Phạm Thị Hiền	Nữ	17/09/1994	Hà Tĩnh	Kinh	7.5	Khá	7.9	5.4	6.9	Trung bình	
6	Lê Thị Mai	Nữ	12/02/1986	Bình Phước	Kinh	8.2	Giỏi	6.9	8.9	8.2	Giỏi	
7	Nguyễn Trần Hà My	Nữ	15/01/1994	Đồng Nai	Kinh	8.0	Giỏi	7.0	9.3	8.3	Giỏi	
8	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	23/03/1992	Sông Bé	Kinh	8.7	Giỏi	8.7	9.7	9.0	Xuất sắc	
9	Vũ Thị Nhân	Nữ	15/07/1981	Thái Bình	Kinh	7.9	Khá	8.1	9.4	8.4	Giỏi	
10	Nguyễn Hồng Niêm	Nữ	14/07/1989	Sông Bé	Kinh	8.0	Giỏi	7.9	9.3	8.4	Giỏi	
11	Hoàng Văn Tâm	Nam	10/05/1992	Sông Bé	Nùng	7.4	Khá	6.9	9.0	7.9	Khá	
12	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	05/05/1992	Đồng Nai	Kinh	8.2	Giỏi	7.1	8.8	8.2	Giỏi	
13	Cao Thị Trinh	Nữ	10/06/1989	Thanh Hóa	Kinh	7.9	Khá	7.9	7.2	7.7	Khá	
14	Trần Thị Tuấn	Nữ	05/10/1976	Thanh Hóa	Kinh	7.7	Khá	7.0	8.2	7.8	Khá	
15	Cao Thị Hồng Vân	Nữ	07/02/1985	Bình Phước	Kinh	8.4	Giỏi	7.4	8.9	8.4	Giỏi	
16	Hoàng Thị Cẩm Vân	Nữ	12/02/1985	Bình Trị Thiên	Kinh	8.1	Giỏi	7.7	7.3	7.8	Khá	
17	Cao Thị Kim Xuyên	Nữ	15/08/1978	Phú Thọ	Kinh	8.0	Giỏi	6.9	8.4	8.0	Giỏi	

3. Ngành Điều dưỡng, trình độ cao đẳng

1	Trần Thị Mỹ Ân	Nữ	12/01/2005	Bình Phước	Kinh	8.3	Giỏi	9.0	8.3	8.4	Giỏi	
2	Trần Quốc Doanh	Nam	06/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.9	Khá	9.1	7.3	7.9	Khá	
3	Lê Phan Thụy Điển	Nữ	28/02/2005	Bình Phước	Kinh	8.2	Giỏi	9.4	7.2	8.1	Giỏi	
4	Trần Mai Hân	Nữ	08/10/2005	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	9.1	6.9	7.5	Khá	
5	Vũ Nguyễn Hiệp	Nam	27/01/2004	Nghệ An	Kinh	7.6	Khá	9.3	7.4	7.8	Khá	
6	Phạm Hải Long	Nam	31/07/2005	Hải Phòng	Kinh	8.1	Giỏi	9.1	7.8	8.2	Giỏi	

12

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Kết quả học tập toàn khóa		Điểm thi tốt nghiệp		Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
							ĐTB	Xếp loại	LTCM	THNN	ĐTBXL tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	
7	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	31/07/2005	Bình Phước	Kinh	8.1	Giỏi	9.6	7.8	8.3	Giỏi	
8	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	01/03/2005	Bình Phước	Kinh	8.0	Giỏi	9.4	8.1	8.3	Giỏi	
9	Lâm Thị Mẫn	Nhi	Nữ	18/11/2001	Bình Phước	Kinh	8.4	Giỏi	9.2	7.9	8.4	Giỏi	
10	Tô Văn	Phước	Nam	08/11/1999	Hà Nội	Kinh	7.9	Khá	9.0	8.0	8.1	Giỏi	
11	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	18/08/2004	Bình Phước	Kinh	8.1	Giỏi	9.0	8.3	8.3	Giỏi	
12	Hà Thị Thanh	Thảo	Nữ	22/10/2005	Bình Phước	Kinh	8.2	Giỏi	8.7	7.6	8.1	Giỏi	
13	Dương Thị Thanh	Thúy	Nữ	03/12/2005	Bình Phước	Kinh	7.8	Khá	8.9	7.1	7.8	Khá	
14	Ngô Vân	Thư	Nữ	09/05/2005	Bình Phước	Kinh	7.5	Khá	8.7	7.2	7.6	Khá	
15	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	01/12/2003	Bình Phước	Kinh	7.6	Khá	7.6	7.4	7.5	Khá	
16	Dương Thị Thúy	Vân	Nữ	26/08/2005	Bình Phước	Kinh	8.0	Giỏi	9.4	8.0	8.2	Giỏi	
17	Phan Trần Ánh	Vy	Nữ	12/11/1999	Bình Phước	Kinh	8.1	Giỏi	9.5	7.5	8.1	Giỏi	
18	La Ngọc Hải	Yến	Nữ	03/09/2004	TP. HCM	Hoa	7.8	Khá	9.2	6.3	7.5	Khá	
19	Ngô Thị	Yến	Nữ	04/04/2005	Nam Định	Kinh	7.8	Khá	9.1	7.3	7.9	Khá	
20	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	20/07/2005	Bình Phước	Kinh	7.9	Khá	9.1	7.6	8.0	Giỏi	
21	Trần Nguyễn Phi	Anh	Nam	20/10/1994	Bình Phước	Kinh	8.0	Giỏi	9.4	8.3	8.3	Giỏi	

4. Ngành Y sỹ đa khoa, trình độ trung cấp

1	Phan Việt	Anh	Nam	09/05/2006	Đắk Lắk	Kinh	7.5	Khá	5.7	5.0	6.4	Trung bình	
2	Lê Thị	Bình	Nữ	10/10/1990	Thanh Hóa	Kinh	8.0	Giỏi	5.3	8.5	7.7	Khá	
3	Ngô Kiều	Duyên	Nữ	23/02/2006	Bình Phước	Kinh	7.6	Khá	5.2	8.0	7.3	Khá	
4	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	06/02/2006	Bình Phước	Kinh	7.5	Khá	6.3	5.0	6.5	Trung bình	
5	Vũ Thượng	Hải	Nam	29/10/2000	Bình Phước	Kinh	7.5	Khá	6.7	6.5	7.0	Khá	
6	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	25/09/2006	Bình Phước	Kinh	7.6	Khá	6.7	7.5	7.4	Khá	
7	Nguyễn Mạnh	Hoàng	Nam	26/10/1982	Hà Nội	Kinh	8.3	Giỏi	6.7	9.0	8.3	Giỏi	
8	Luyện Huy	Huân	Nam	28/08/1987	Hải Dương	Kinh	7.6	Khá	6.7	8.3	7.7	Khá	
9	Đỗ Tiến	Hung	Nam	06/01/2006	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	6.2	5.0	6.4	Trung bình	
10	Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	11/12/2005	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	6.2	6.0	6.7	Trung bình	
11	Kiều Văn	Long	Nam	09/09/2006	Bình Phước	Kinh	7.1	Khá	5.5	5.0	6.1	Trung bình	
12	Thân Minh	Nhật	Nam	12/06/1994	Đồng Nai	Kinh	8.1	Giỏi	5.4	8.0	7.6	Khá	

Handwritten signature

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Kết quả học tập toàn khóa		Điểm thi tốt nghiệp		Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
							ĐTB	Xếp loại	LTCM	THNN	ĐTBXL tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	
13	Vũ Việt	Phú	Nam	25/10/2006	Hưng Yên	Kinh	7.5	Khá	5.1	5.0	6.3	Trung bình	
14	Phạm Công	Phúc	Nam	19/05/1993	Nghệ An	Kinh	7.5	Khá	5.2	8.0	7.3	Khá	
15	Phan Minh	Phương	Nữ	14/06/2002	Đắk Lắk	Kinh	7.8	Khá	5.3	6.0	6.8	Trung bình	
16	Hoàng Hà Minh	Quân	Nam	01/08/2006	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	6.0	5.0	6.4	Trung bình	
17	Lâm Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/05/2000	Bình Phước	Kinh	7.4	Khá	5.4	8.0	7.3	Khá	
18	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	28/08/1998	Hà Tĩnh	Kinh	7.5	Khá	5.1	8.0	7.3	Khá	
19	Nguyễn Thị	Tân	Nữ	08/12/1998	Hà Tĩnh	Kinh	8.1	Giỏi	5.0	9.0	7.9	Khá	
20	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	30/12/1993	Bình Định	Kinh	8.0	Giỏi	6.5	8.5	7.9	Khá	
21	Lê Văn	Thắng	Nam	19/02/2004	Bình Phước	Kinh	7.7	Khá	5.3	8.3	7.5	Khá	
22	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	20/01/1992	Vĩnh Phú	Kinh	8.2	Giỏi	6.1	9.0	8.1	Giỏi	
23	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	Nữ	21/03/1983	Đồng Nai	Kinh	7.7	Khá	6.0	8.0	7.5	Khá	
24	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	06/06/1993	Bình Phước	Kinh	7.6	Khá	5.8	8.0	7.4	Khá	
25	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	29/05/1996	Bình Phước	Kinh	7.9	Khá	5.4	7.0	7.2	Khá	
26	Hoàng Văn	Tú	Nam	27/06/1995	Sông Bé	Kinh	7.6	Khá	5.7	6.0	6.8	Trung bình	

Tổng số: 114

Trong đó:

- Dược chính quy: 50
- Dược liên thông: 17
- Điều dưỡng: 21
- Y sỹ đa khoa: 26